SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**CHI CỤC KIỂM LÂM**

Số: 972/QĐ-CCKL

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (điều chỉnh lần 5) của Chi cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh**

## CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC KIỂM LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Quyết định số 1135/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tổ chức lại Chi cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở hợp nhất Chi cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Dương và Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

*Căn cứ Quyết định số 1177/QĐ-SNNMT-VP ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 9648/QĐ-SNNMT-KHTC ngày 29 tháng 10 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (lần 21);*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (điều chỉnh lần 5) của Chi cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh (đính kèm Mẫu biểu số 74).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thủ trưởng các Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Chi cục tổ chức thực hiện Quyết định./.

***Nơi nhận:***
- Sở NN và MT;
- Phòng KHTC Sở;
- Các Phòng, đơn vị trực thuộc Chi cục;
- Website CCKL TP.HCM;
- Lưu: VT, MBN.

**CHI CỤC TRƯỞNG**

CHI CỤC KIỂM LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Lâm Tùng Quế**

**CHI CỤC KIỂM LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
**Chương: 412**

**Biểu số 74**

# DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 (điều chỉnh lần 5)

**Mã QHNS: 1060962**

**Mã KBNN nơi giao dịch: 0114**

*(Kèm theo Quyết định số: 82 /QĐ-CCKL ngày 12 tháng 11 năm 2026 của Chi cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| STT | Nội dung | Loại khoản | Dự toán trước điều chỉnh | Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) | Dự toán sau điều chỉnh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *C* | *1* | *2* | *3* | *4* |
| **I** | **Dự toán chi ngân sách nhà nước** | | **107.363** | **-3.203** | **104.160** | |
| **1** | **Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể** | | **79.081** | **-3.203** | **75.878** | |
| **1.1** | **Kinh phí tự chủ/thường xuyên** | | **43.990** | -908 | **43.082** | |
| | - Chi cho con người | | ***30.560*** | ***-608*** | ***29.952*** | |
| | *+ Chi lương với mức lương 1,49 triệu đồng* | 340 - 341 | 19.459 | -608 | 18.851 | Chuyển sang Chi cục Chăn nuôi và Thú y Thành phố Hồ Chí Minh |
| | *+ Nguồn CCTL để thực hiện lương tăng thêm (từ 1,49 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng)* | *340 - 341* | 11.101 | | 11.101 | |
| | - Chi hoạt động thường xuyên | 340 - 341 | 13.430 | -300 | 13.130 | Chuyển sang Chi cục Chăn nuôi và Thú y Thành phố Hồ Chí Minh |
| **1.2** | **Kinh phí không tự chủ/thường xuyên** | | **35.091** | **-2.295** | **32.796** | |
| **1.2.1** | **Chế độ/chính sách cho con người** | | **30.848** | **-2.295** | **28.553** | |
| | - Nguồn CCTL | | 27.631 | -2.132 | 25.499 | |

| STT | Nội dung | Loại khoản | Dự toán trước điều chỉnh | Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) | Dự toán sau điều chỉnh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | *+ Thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù* | *340 - 341* | *26.032* | *-2.132* | *23.900* | Chuyển sang:<br>(1) Văn phòng Sở 737tr đồng,<br>(2) Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Thành phố Hồ Chí Minh: 454 tr đồng;<br>(3) Chi cục Thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh: 708 tr đồng;<br>(4) Chi cục Bảo vệ Môi trường 233 tr đồng |
| | *+ Quỹ tiền thưởng* | *340 - 341* | *1.599* | | *1.599* | |
| | - Hỗ trợ tiền thuê nhà | 340 - 341 | 1.440 | | 1.440 | |
| | - Hỗ trợ công chức và người lao động làm việc tại Côn Đảo | 340 - 341 | 384 | -163 | 221 | Chuyển sang Văn phòng Sở. Kinh phí đi công tác phục vụ xây dựng Luật Phát triển đô thị |
| | - Kinh phí đồng phục và hỗ trợ đối với công chức biệt phái làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố Hồ Chí Minh | 340 - 341 | 58 | | 58 | |
| | - Kinh phí thực hiện các hoạt động chăm lo Tết Bính Ngọ năm 2026 | 340 - 341 | 332 | | 332 | |
| | - Trợ cấp thôi việc | 340 - 341 | 1.003 | | 1.003 | |
| **1.2.2** | **Thuê hàng hóa, dịch vụ** | | **855** | | **855** | |
| | - Kinh phí ISO | 340 - 341 | 74 | | 74 | |
| | - Trang bị đồng phục | 340 - 341 | 635 | | 635 | |
| | - Tiền nước sinh hoạt các Trạm Kiểm lâm | 340 - 341 | 86 | | 86 | |
| | - Tiền cước Internet hệ thống camera giám sát | 340 - 341 | 60 | | 60 | |

| STT | Nội dung | Loại khoản | Dự toán trước điều chỉnh | Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) | Dự toán sau điều chỉnh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **1.2.3** | **Chi mua sắm** | | - | | - | |
| **1.2.4** | **Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp** | | **3.388** | | **3.388** | |
| | - Sửa chữa xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác phòng chống thiên tai; kiểm tra, kiểm soát lâm sản; truy xuất nguồn gốc lâm sản. | 340 - 341 | 104 | | 104 | |
| | - Kinh phí sửa chữa Trạm Kiểm lâm rừng ngập mặn | 340 - 341 | 1.106 | | 1.106 | Quyết định 8908/QĐ-SNNMTKHTC ngày 9/10/2026 phê duyệt dự toán nhiệm vụ quản lý gây nuôi, tiếp nhận, chăm sóc động vật hoang dã |
| | - Nạo vét luồng rạch đi vào và ụ neo đậu phương tiện thủy của các Trạm Kiểm lâm | 340 - 341 | 134 | | 134 | |
| | - Sửa chữa, gia cố tường rào, hàng rào khuôn viên Đội KLCĐ&PCCCR số 1 và Trạm Kiểm lâm An Thới Đông | 340 - 341 | 389 | | 389 | |
| | - Sửa chữa Trụ sở làm việc Hạt Kiểm lâm Xuyên Mộc | 340 - 341 | 1.655 | | 1.655 | |
| **2** | **Chi các hoạt động kinh tế (Sự nghiệp lâm nghiệp và dịch vụ lâm nghiệp)** | | **28.282** | **0** | **28.282** | |
| | - Tổ chức huấn luyện vũ khí quân dụng | 280 -282 | 141 | | 141 | |
| | - Đề án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030 | 280 -282 | 3.604 | -455 | 3.149 | Chuyển kinh phí sang nhiệm vụ Đào tạo tài công điều khiển phương tiện thủy và Kinh phí Quản lý gây nuôi, tiếp nhận, chăm sóc động vật hoang dã |

| STT | Nội dung | Loại khoản | Dự toán trước điều chỉnh | Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) | Dự toán sau điều chỉnh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Xây dựng khung giá rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; xây dựng đơn giá bồi thường rừng tự nhiên, rừng trồng khi Nhà nước thu hồi đất đồng thời với thu hồi rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh | 280 -282 | 3.781 | | 3.781 | |
| | - Đào tạo tài công điều khiển phương tiện thủy | 280 -282 | 23 | 30 | 53 | Quyết định 928./QĐ-CCKL ngày 29/10/2026 phê duyệt chủ trương dự kiến kinh phí nhiệm vụ đào tạo tài công điều khiển phương |
| | - Theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp | 280 -282 | 675 | | 675 | |
| | - Kinh phí quản lý gây nuôi, tiếp nhận, chăm sóc động vật hoang dã | 280 -282 | 741 | 425 | 1.166 | |
| | - Kinh phí phòng chống các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp trên địa bàn TP. HCM (Truy quét) | 280 -282 | 863 | | 863 | |
| | - Kinh phí hoạt động xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp, quản lý bảo vệ rừng và kiểm tra, kiểm soát lâm sản | 280 -282 | 638 | | 638 | |
| | - Dự án nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và PCCCR trên địa bàn TP. HCM năm 2026 (Kinh phí phòng cháy chữa cháy rừng năm 2025-2026 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh) | 280 -282 | 7.206 | | 7.206 | |
| | - Chương trình Quản lý lâm sản năm 2026 | 280 -282 | 410 | | 410 | |
| | - Xây dựng Chương trình quản lý lâm sản trên địa bàn TP. HCM giai đoạn 2026-2030. | 280 -282 | 20 | | 20 | |
| | - Điều tra xác định hiện trạng rừng trên địa bàn TP.HCM (cũ) và tỉnh Bình Dương (cũ) | 280 -282 | 7.500 | | 7.500 | |

| STT | Nội dung | Loại khoản | Dự toán trước điều chỉnh | Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) | Dự toán sau điều chỉnh | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Điều tra xác định hiện trạng rừng trên địa bàn TP.HCM (cũ) và tỉnh Bình Dương (cũ) | 280 -282 | 7.500 | | 7.500 | |
| | - Trồng cây phân tán trên địa bàn TP. HCM | 280 -282 | 503 | | 503 | |
| | - Tổ chức Lễ trồng cây ngày 19/5 trên địa bàn TP. HCM | 280 -282 | 412 | | 412 | |
| | - Kinh phí thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. | 280 -282 | 72 | | 72 | |
| | - Rà soát, phân vùng chi tiết rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và xây dựng bản đồ quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh | 280 -282 | 1.693 | | 1.693 | |